

CHẤT ĐỘC MÀU DA CAM: CHIẾN TRANH VÀ CÔNG LÝ

NGUYỄN HỒNG CHÍ*

Tóm tắt

Bài viết này trình bày một số suy nghĩ cá nhân về vấn đề nhân quyền sau khi tác giả xem xong bộ sưu tập ảnh về chất độc màu da cam mà Mỹ đã rải xuống Việt Nam trong giai đoạn 1962 - 1971 do nhiếp ảnh gia người Nhật Goro Nakamura thực hiện. Theo đó, nhân quyền là quyền được mưu cầu cuộc sống và hạnh phúc ở bất kỳ nơi đâu trên trái đất, và đạo đức là quy phạm về hành vi ứng xử tuân theo quy tắc nhân quyền cùng với thái độ yêu thương và chịu trách nhiệm với cuộc sống của người khác. Quân đội Mỹ đã vi phạm hai quy tắc này. Đó là lý do tại sao chiến tranh vẫn còn ở lại với những nạn nhân chịu đựng di chứng của chiến tranh.

Từ khóa: *Chất độc da cam, chiến tranh Việt Nam, công lý, đạo đức, Goro Nakamura, nhân quyền*

Abstract

This article presents the author's perspectives on human rights as expressed in the Japanese photographer Goro Nakamura's photo album about the American spray of agent orange in Vietnam from 1962 to 1971. Human rights entitle people to pursue life and happiness wherever they are, and ethics include sets of behaviors that correctly observe human rights plus love of and responsibility for others' lives. The American army violated these two regulations. This is why war has been still going on with war victims.

Key words: *Agent orange, Vietnam War, justice, ethics, Goro Nakamura, human rights*

1. Giới thiệu

Ông Goro Nakamura sinh năm 1940, từng là giáo sư Khoa Nghiên cứu Khu vực, Đại học Gifu tại Nhật Bản và nghỉ hưu từ năm 2004. Ông là nhiếp ảnh gia nổi tiếng trên thế

giới với những tấm ảnh về chiến tranh Việt Nam và chất độc màu da cam. Sau đợt triển lãm “30 năm chất độc màu da cam” tổ chức tại Ginza, Tokyo, và Osaka dưới sự tài trợ của Nikon, ông được tặng giải nhất của Hiệp hội các Nhà báo Khoa học Kỹ thuật năm 2005 (Goro Nakamura's website, 2007). Bộ sưu tập 42 ảnh về nạn nhân chất độc màu da cam tại Việt Nam là một góc nhỏ trong các tác phẩm

* Đại học FPT, 600, Nguyễn Văn Cừ nói dài, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

danh tiếng của ông. Thế đứng khách quan của một quan sát viên quốc tế đã khiến các tác phẩm của ông trông có vẻ lạnh lùng, chét chóc. Những hình hài trẻ em tàn tật bị nhốt trong cũi, những gương mặt vô hồn ngơ ngác giữa những cánh rừng đồi trọc tan hoang.

Bài viết này không tập trung bình luận nghệ thuật hình ảnh, cũng không giải trình lịch sử của chiến tranh Việt Nam. Thay vì vậy, tác giả phân tích thông điệp hành vi trái công lý được tố cáo trong bộ sưu tập. Sự đồng cảm bi tráng và nhân văn trong các tác phẩm này sẽ được so sánh với sự lãnh cảm về tuyên ngôn nhân quyền của Mỹ theo bố cục bài viết như sau. Đầu tiên, bài viết sẽ đề cập đến chiến dịch rải chất độc da cam tại Việt Nam của Mỹ, như là một bước tiến trong mưu đồ kiểm soát trật tự thế giới tại Đông Dương trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Sự tàn phá của chất độc da cam được trình bày trong phần tiếp theo để làm tiền đề cho việc chỉ trích cách thực thi công lý của Mỹ được tác giả nhấn mạnh trong phần còn lại của bài viết.

2. Chất độc màu da cam và quá trình tham chiến của Mỹ tại Việt Nam

Bộ ảnh về chất độc màu da cam chỉ tố cáo một phần rất nhỏ về tội ác chiến tranh. Nhưng thông điệp các bức ảnh rất mạch lạc và rõ ràng: chiến tranh là tội ác và những người cổ xúy chiến tranh vì lý do nhân đạo lại là người vô nhân đạo. Lý thuyết nhân đạo về một viễn cảnh hòa bình được quân đội Mỹ bóp méo thành mưu đồ xóa sạch Việt Nam, trắng như thừa đất được khai hoang, để họ và đồng minh Việt Nam Cộng hòa có thể chiếm lĩnh cả hai miền Nam - Bắc. Thiết chế viện trợ và tư vấn của Mỹ cho chế độ miền Nam được thực thi trên danh nghĩa nhân đạo và hòa bình, hòng chặn

đứng bước tiến của chủ nghĩa xã hội đã hình thành và làm thay đổi hai cực thế giới sau Hội nghị Yalta năm 1945. Mặc dù Hội nghị Yalta là sự thương thuyết về việc lập lại trật tự thế giới và phân chia thành quả sau Chiến tranh Thế giới lần thứ 2 giữa ba cường quốc: Anh, Mỹ và Liên Xô (Vũ Quang Hiến, 2013), nhưng mặc nhiên Hội nghị này là thông cáo quốc tế về sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới sau năm 1949, khi Hội đồng Tương trợ Kinh tế được thành lập giữa các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa. Sự hợp tác toàn diện về chính trị, kinh tế giúp mối quan hệ giữa Liên Xô với các nước Đông Âu ngày càng được củng cố, tạo ra một thái cực mới trong trật tự thế giới, đe dọa vị trí độc tôn của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Với sự ủng hộ của đồng minh tư bản vừa được vực dậy sau Thế chiến thứ 2, Mỹ đã đặt trọng tâm vào Đông Nam Á từ đầu thập niên 1950. Đến năm 1953, Tổng thống Mỹ Eisenhower và Phó Tổng thống Nixon chính thức phê chuẩn Kế hoạch Nava tấn công ào ạt vào Đông Dương, nhằm triệt tiêu các phong trào giải phóng dân tộc dưới sự trợ giúp của chính quyền Moscow. Sau khi Hiệp định Geneva được ký kết năm 1954, Mỹ thông qua Kế hoạch Memphis viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa, chia cắt Việt Nam tại vĩ tuyến 17. Viện trợ kỹ thuật quân sự và tài chính của Mỹ đã giúp cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng lại quân đội và tiến hành các cuộc đàn áp phong trào du kích cũng như các bước tiến của miền Bắc. Nhưng sự viện trợ này không đem lại kết quả tích cực trong việc đẩy lùi lực lượng giải phóng của miền Nam và có nguy cơ bị quân đội miền Bắc tấn công ngược lại. Mỹ quyết định trực tiếp tham chiến

kể từ những năm đầu thập niên 1960 cho đến khi ký kết Hiệp định Paris năm 1973. Chiến dịch rải chất độc màu da cam được tiến hành như một trong những chiến lược tham chiến của Mỹ cùng với các quân đội viễn chinh tại Việt Nam trong giai đoạn này.

Chất độc màu da cam có tên tiếng Anh là Agent Orange hay Herbicide Orange. Đây là thuốc diệt cỏ được sản xuất từ hỗn hợp a-xít 2,4 dichlorophenoxyacetic (2,4-D) và a-xít 2,4,5 trichlorophenoxyacetic (2,4,5-T) theo dạng ét-te (Chamie & cộng sự, 2008, tr. 2465). Hai loại chất hóa học này đã từng được quân đội Mỹ và Anh sử dụng trong Chiến tranh Thế giới thứ 2, sau khi đặt hàng với các nhà nghiên cứu Đại học Chicago của Mỹ từ năm 1943. Mục tiêu của quân đội đồng minh Anh và Mỹ là nhằm phá hoại mùa màng của thế lực phát xít Nhật trong năm 1946. Cuối chiến tranh, chất hóa học này được sử dụng trong việc khai hoang nhằm mục đích tạo ra đất sản xuất nông nghiệp ở Malaysia dưới sự nghiên cứu của các nhà khoa học Anh.

Trong giai đoạn 1962 đến 1971, quân đội Mỹ đã rải gần 75,8 triệu lít chất độc màu da cam dọc theo biên giới phía đông của Lào dọc theo dải Trường Sơn và một phần của Campuchia theo chiến dịch Ranch Hand (Chamie & cộng sự, 2008, tr. 2465; Chatdocdacam.vn, 1999). Mục tiêu cụ thể của quân đội Mỹ lại là nước đôi: (1) phá hủy diện tích cây cối bao phủ để quân đội miền Bắc không thể có chỗ trú thân trong quá trình chi viện cho miền Nam, và (2) cưỡng bức nông dân phải di cư vào những vùng chiếm đóng và quản lý của chế độ Việt Nam Cộng hòa, nhằm tách rời nông dân ra khỏi các hoạt động du kích. Chất độc này được tồn trữ tại 28 khu căn cứ không quân của

Mỹ tại Việt Nam như sân bay Đà Nẵng, Phù Cát và Biên Hòa. Quá trình phun thuốc khai hoang được tiến hành bằng trực thăng và máy bay tầm thấp C-123 có lắp đặt hệ thống bom phun chứa khoảng 3.800 lít trên mỗi chiếc. Đợt phun chất độc da cam đầu tiên xuất phát từ sân bay quân sự Tân Sơn Nhất vào ngày 1 tháng 9 năm 1962. Đến năm 1971, theo ước tính, đã có 6.542 phi vụ. Cũng tính đến năm 1971, khoảng 12% tổng diện tích miền Nam đã bị rải chất độc này, với tỷ lệ đậm đặc của chất độc vượt hơn 13 lần so với mức độ cho phép sử dụng trong mục đích nông nghiệp.

Do đó, có hơn 10 triệu héc ta đất nông nghiệp đã hoàn toàn bị phá hủy. Có khoảng 13.000 km² cây lương thực và ăn quả bị tàn phá (Chatdocdacam.vn, 1999). Ngoài ra, có hơn 5 triệu héc ta rừng đước ven biển và mùa màng cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hơn 20% rừng tự nhiên tại miền Nam đã bị triệt phá hoàn toàn. Riêng mùa màng của tỉnh Quảng Ngãi đã bị phá hủy 80% trong năm 1970, khiến cho hàng trăm ngàn người dân vô tội lâm cảnh đói và suy dinh dưỡng nặng (Chatdocdacam.vn, 1999; Schuck, 1986, tr. 17).

4. Tàn phá Việt Nam, xúc phạm nhân quyền

Theo Chatdocdacam.vn (1999) đã có 4,8 triệu người Việt Nam bị ảnh hưởng bởi chất độc màu da cam, trong đó có 3 triệu người bị trực tiếp nhiễm độc. Có khoảng từ 150.000 đến 500.000 trẻ em bị khuyết tật do cha mẹ các em bị nhiễm độc. Phụ nữ bị nhiễm độc thường bị sảy thai và sinh ra quái thai với hình dạng thú vật hoặc tay chân thai nhi bị khiếm khuyết. Các khu căn cứ không quân đã từng chứa chất độc màu da cam đến nay vẫn còn có dấu hiệu lây nhiễm. Ví dụ khu đất thuộc căn

cứ không quân tại Đà Nẵng hiện nay vẫn còn đang bị nhiễm độc gấp 300 lần so với khuyến cáo quốc tế. Nguy cơ gây ung thư và các dị tật di truyền là điều không thể tránh khỏi cho cư dân sống tại khu vực này và các địa bàn lân cận. Bản thân lính Mỹ và lính nước ngoài đánh thuê cho Mỹ cũng phải chịu những bệnh tật do bị nhiễm độc. Theo đó, hơn 300.000 lính Hàn Quốc tham chiến tại Việt Nam bị nhiễm độc. Trong số khoảng 500.000 cựu chiến binh Mỹ bị nhiễm độc tại Việt Nam, nhiều người bị mắc bệnh tâm thần, một số người bị quẫn trí nên tự sát, và rất nhiều trẻ em sinh ra bị dị tật và quái thai.

Theo nghiên cứu lâm sàng của Chamie và cộng sự (2008) trên những cựu quân nhân Mỹ và Việt Nam đang sinh sống tại Mỹ, những người bị nhiễm chất độc màu da cam có nguy cơ bị ung thư tuyến tiền liệt, nhiễm các bệnh tật khác ở lứa tuổi còn trẻ, và có hành vi nóng giận hơn so với người không bị phơi nhiễm. Thời gian bộc phát bệnh kể từ khi nhiễm độc có thể kéo dài đến 407 tháng. Dù bộc lộ một ít hoài nghi về chất lượng mẫu nghiên cứu của Chamie và cộng sự, nhưng nhìn chung, Schecter và cộng sự (2009) cũng khẳng định nguy cơ nhiễm ung thư của những người bị phơi nhiễm, và thậm chí là khả năng phát bệnh có thể tiềm tàng trong vài thập kỷ. Ngoài ra, đất và nước bị nhiễm độc sẽ khiến chuỗi thực phẩm cũng bị nhiễm độc, gây ra bệnh ngoài da nghiêm trọng, ung thư phổi và thanh quản. Khi một cá nhân bị chết, những người trong gia đình và thân thuộc của họ phải chấp nhận sống với nỗi đau đó. Giả định rằng một cá nhân có mối quan hệ ràng buộc thân thích với 10 người khác, thì với con số người bị nhiễm độc trực tiếp cứ nhân lên 10. Con số nạn nhân của tội

ác chất độc màu da cam sẽ là bao nhiêu? Và khi chất độc màu da cam lây truyền qua các thế hệ khác, con số nạn nhân sẽ là bao nhiêu?

4. Chất độc màu da cam: Nhân quyền bị đầu độc

Theo Bộ Ngoại giao Việt Nam (2004), phiên tranh tụng đầu tiên về vụ các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam kiện 37 công ty hóa chất Mỹ tại Tòa án Liên bang Mỹ ở quận Brooklyn năm 2004 đã không thành công. Chánh án Jack Weinstein tuyên bố chấm dứt phiên tranh tụng mà không đưa ra phán quyết cuối cùng, với lý do Tòa án cần thêm thời gian để nghiên cứu các bằng chứng pháp lý. Sau nhiều lần gia hạn về các thủ tục pháp lý, ông Weinstein đã quyết định không cho gia hạn thêm thời gian cho các thủ tục này. Vụ kiện chất độc màu da cam đã bị chính quyền Mỹ xếp vào dạng “treo”, và có thể sẽ bị nhấn chìm. Năm 1978, cũng đã từng có rất nhiều cựu quân nhân Mỹ đã khởi kiện hàng loạt các công ty hóa chất sản xuất chất độc màu da cam trong chiến tranh Việt Nam, khiến cho họ mắc nhiều căn bệnh hiểm nghèo được chẩn đoán do bị nhiễm độc trong quá trình tham chiến tại Việt Nam. Tuy vậy, sau gần một thập niên kiện tụng, bản thân họ vẫn phải chờ đợi phán quyết của tòa án (Schuck, 1987, tr. 3). Xem ra đây là những vụ kiện tụng chính phủ, mà bản thân chính phủ hiện tại vẫn cố tình phủ nhận tội ác mà chính quyền trước đó đã gây ra cho chính đồng bào của mình. Đó là lý do Schuck (1987, tr. 8-14) định danh chất độc màu da cam là “thảm họa chất độc tại các phiên tòa”. Đó cũng chính là thảm họa công lý mà Schuck không biện minh cho chính phủ của mình.

Theo Nguyễn Văn Tuấn (2007), giới tư pháp Mỹ không muốn tiến hành phiên tòa. Họ

không muốn khơi lại quá khứ và phơi bày tội ác của chất độc da cam. Quyết định phun chất độc da cam đã do tổng thống John Kennedy khởi xướng. Kể cả những địa điểm phun chất độc cũng phải thông qua sự phê chuẩn của Nhà Trắng. Trách nhiệm về giải quyết hậu quả sau chiến tranh được đề cập ở phiên tòa thì ắt là phải nói đến trách nhiệm của cơ quan quyền lực cao nhất nước Mỹ, chứ không chỉ các công ty hóa chất chỉ làm theo mệnh lệnh của chính quyền Mỹ. Sự che giấu tội ác của chính phủ Mỹ khiến cho bản thân họ mâu thuẫn với khái niệm công lý và nhân quyền, quyền mà từ thời thành lập Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ họ đã khởi xướng. Tuyên ngôn Độc lập Mỹ ngày 4 tháng 7 năm 1776 đã nêu rõ:

Chúng tôi khẳng định một chân lý hiển nhiên rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng tạo hóa đã ban cho họ những quyền tất yếu và bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc.

(Trích từ Website Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2009)

“Quyền sống” của hàng triệu nạn nhân Việt Nam, quân nhân Mỹ và một bộ phận các cựu chiến binh quốc tế đánh thuê cho Mỹ đã bị tước đoạt. Mía mai thay, đó chính là quyền căn bản thành lập ra Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ. Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ đã từng xem sự áp bức bóc lột của thực dân Anh hay Tây Ban Nha như một vết cắt tổn thương không những đến thể chất, tinh thần và trí tuệ của nhân dân, mà còn xâm hại đến phẩm giá căn bản làm người. Khi nói về sự vùng dậy của các thế lực bị áp bức, đặc biệt là quốc gia từng bị xem là thuộc địa của các nước khác, Tuyên ngôn này đã đề cao công lý về “quyền sống” như một con người thực thụ, không phải quái

thai, không phải quần trí tự vẫn như những nạn nhân chất độc da cam. Họ lên án “cái xấu” và sự phẫn uất khi “cái xấu” lên ngôi. Khi quyền được làm người bị xâm phạm, họ được quyền “lật đổ chính quyền đó” và “bổ nhiệm những chiến sĩ mới để bảo vệ an ninh”. Đó là sự rạng danh của công lý mà bất kỳ dân tộc và cá nhân nào cũng khao khát có được. Nhưng tại sao chính phủ Mỹ lại ngoảnh mặt với những nạn nhân không còn có cơ hội làm người tại Việt Nam, cũng như tại nước của họ? Họ đã và đang miệt thị nhân quyền và công lý. Lời Mở đầu trong Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế năm 1948 (Viet Nam Human Rights Network, n.d.) nêu rõ:

Xét rằng việc coi thường và khinh miệt nhân quyền đã đưa tới những hành động dã man làm phẫn nộ lương tâm nhân loại, và việc đạt tới một thế giới trong đó mọi người được tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng, được giải thoát khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, được tuyên xưng là nguyện vọng cao cả nhất của con người.

Vì vậy, Tuyên ngôn này tiếp tục khẳng định rằng mọi người đều có quyền tự do và được bình đẳng và phải đối xử với nhau trong tình bác ái. Nhân quyền không cho phép ai có thể bị tra tấn hay chịu đựng những cách đối xử tàn ác, vô nhân đạo làm hạ thấp nhân phẩm. Thái độ “khinh miệt nhân quyền” thông qua “hành động dã man” rải chất độc da cam của Mỹ không xứng đáng “được tuyên xưng là nguyện vọng cao cả” của chính phủ. Việc rải chất độc và chối bỏ trách nhiệm quốc tế và quốc gia là sự phản bội lại lòng tin của nhân dân Mỹ, bội ước với Tuyên ngôn Độc lập Mỹ, và “hạ thấp nhân phẩm” làm người của dân tộc Mỹ, Việt Nam và các dân tộc khác có

liên quan trong cuộc chiến. Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế yêu cầu tất cả con người phải có “lý trí và lương tri”, và đối xử với nhau theo “tình bác ái”. Đi ngược với hành động đó là vi phạm nhân quyền. Vi phạm nhân quyền là hành động vô đạo đức.

Phạm trù đạo đức bao gồm cách hành xử theo đúng quy định đạo đức và trách nhiệm được thực hiện ở cấp độ vi mô và cá nhân (Donaldson & Dunfee, 1994). Nhưng quy định đạo đức và trách nhiệm thường bị tác động bởi động cơ chính trị và tác nhân xã hội. Do đó, tác giả bài viết này đề xuất hai thành tố hỗ trợ để quy chuẩn đạo đức có thể được áp dụng vượt biên giới quốc gia, đó là: đạo đức về tình thương yêu và sự chăm sóc. Chỉ có khi chúng ta biết cách yêu thương người ở cạnh hay ở xa mình, chúng ta mới có thể hạn chế những hành động gây ra tác hại cho họ. Và chỉ khi chúng ta biết cách chăm sóc những người khác, chúng ta sẽ không gây ra hành động gây hại cho họ. Thậm chí khi chúng ta đã lỡ gây ra hành động không tốt và tạo ra hậu quả cho người khác, chúng ta hãy học cách chăm sóc những nạn nhân thông qua những hành động khắc phục bằng thiện chí và sự cầu thị. Có thể tất cả con người mới có thể đảm bảo được việc thực thi nhân quyền một cách đúng mực. Đây chính là chuẩn mực công lý toàn diện. Mỹ đã dựng nên khán đài sân khấu công lý rất quy mô và hoành tráng. Đóng một vai diễn chính trong suốt nửa thế kỷ với vai trò là siêu cường quốc kinh tế, hùng mạnh về quân sự, cứng rắn trong chính trị, và đặc biệt mệnh danh là quê hương của Nữ thần Tự do, Mỹ đã phá hủy đi hình ảnh đạo đức công lý đó. Nơi Nữ thần Tự do ngự trị, dường như công lý đã bị nhiễm độc. Chất độc màu da cam.

5. Kết luận

Người dân Mỹ là người, và chúng ta cũng vậy. Tất cả chúng ta có quyền được sống, được bảo vệ an toàn và bình đẳng ở bất kỳ nơi đâu. Nhưng một cường quốc sau Thế chiến thứ 2 như Mỹ vì nhân danh hòa bình, lập lại ổn định cho trật tự thế giới mới sau 1945, đã lật ngược lại khái niệm ổn định và hòa bình. Ai giao cho họ quyền được tái thiết trật tự thế giới đó? Và ai giao cho họ quyền được bắt đầu xây dựng một địa ngục trần gian tại Việt Nam? Có lẽ đó là câu hỏi mà nhiếp ảnh gia Goro Nakamura cũng muốn hỏi người xem. Câu hỏi lớn của bộ sưu tập: Công lý là gì? Đó là thành công của bộ sưu tập khi các tấm ảnh đã thách thức những lời nói và tuyên ngôn hào hùng của Mỹ từ thời lập quốc năm 1776 cho đến giai đoạn thịnh vượng của siêu cường quốc này từ giữa thế kỷ 20 cho đến nay. Đó là sự thách thức vào tuyên ngôn về nhân quyền của Liên Hợp Quốc từ năm 1948. Sự thách thức đó là sự đồng cảm, thương yêu những nạn nhân vô tội bị đẩy xuống tận cùng của địa ngục. Đó là thành công khác của tác phẩm: nhân văn và khúc chiết, bi tráng nhưng không hề bi lụy. Công lý làm người chính là phẩm giá được làm Người như một Con Người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Ngoại giao Việt Nam. (2004). *Nạn nhân chất độc da cam Việt Nam kiện các công ty hóa chất Mỹ*. Hà Nội: Bộ Ngoại giao. Truy cập tại http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/tt_baochi/nr041126171753/ns050315103929 (ngày 29 tháng 7 năm 2021).
- [2] Chatdocdacam.vn. (1999). *Mỹ đã sử dụng chất độc màu da cam ở Việt Nam*

- như thế nào?*. Truy cập tại <http://www.chatdocdacam.vn/tai-lieu-da-cam/my-da-su-dung-chat-doc-mau-da-cam-o-viet-nam-nhu-the-nao> (ngày 29 tháng 7 năm 2021).
- [3] Chamie, K., deVere W., Ralph W., Lee, D., Ok, J-H., & Ellison, M. (2007). Agent orange exposure, Vietnam War veterans, and the risk of prostate cancer, *American Cancer Society*, Vol. 113, No. 9, tr. 2464-2470.
- [4] Donaldson, T., & Dunfee, T. W. (1994). Toward a unified conception of business ethics: Integrative social contracts theory, *Academy of Management Review*, Vol. 19, No. 2, tr. 252 - 284.
- [5] Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. (2009). *Tuyên ngôn Độc lập Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ*. Truy cập tại http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/dec_independence.html (ngày 29 tháng 7 năm 2021).
- [6] Goro Nakamura's website. (2007). *Profile*. Truy cập tại <http://www.goro-nakamura.com/english/profile.html> (ngày 29 tháng 7 năm 2021).
- [7] Nguyễn Văn Tuấn. (2007). Vụ các nạn nhân chất độc da cam VN kiện các công ty hóa chất Mỹ. *Chatdocdacam.vn*. Truy cập tại <http://www.chatdocdacam.vn/vu-kien/vu-cac-nan-nhan-chat-doc-da-cam-vn-kiem-cac-cong-ty-hoa-chat-my> (ngày 29 tháng 7 năm 2021).
- [8] Schechter, Arnold và cộng sự. (2009). Correspondence to agent orange exposure, Vietnam War veterans, and the risk of prostate cancer, *American Cancer Society*, Vol. 115, No. 14, tr. 3369-3371.
- [9] Schuck, Peter. (1986). *Agent Orange on Trial: Mass Toxic Disasters in the Courts*, The Belknap Press of Harvard University, Cambridge, MA.
- [10] Viet Nam Human Rights Network. *Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế*. Truy cập tại <http://www.vietnamhumanrights.net/viet/vintbill/phanmodau.htm> (ngày 29 tháng 7 năm 2014).
- [11] Vũ Quang Hiến. (2013). *Trật tự thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ 2*. Truy cập tại <http://tuyensinh.ussh.edu.vn/mon-su-trat-tu-the-gioi-sau-chien-tranh-the-gioi-thu-hai/357> (ngày 29 tháng 7 năm 2021).